TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 24-3-2021
"V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự"
(giữa NH T và bà P)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường;

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T**; địa chỉ: đường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 26/01/2018, Quyết định số: 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Hồng S - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 04/02/2016 và Giấy ủy quyền số: 3978/2019/GUQ - PL ngày 16/12/2019 và Quyết định số: 11791/2018/QĐ-NS ngày 08/11/2018); ông Cao Hồng S ủy quyền lại cho: Ông Lương Ngọc N - Chuyên viên Quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (Giấy ủy quyền số: 563/2020/QU-CNVL ngày 08/9/2020); địa chỉ: Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Phan Thị Huệ P**, sinh năm: 1980; địa chỉ: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương Ngọc N trình bày:

Ngày 11/10/2016 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng T) có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5857 với bà Phan Thị Huệ P để vay 40.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 2,5%/năm (lãi suất cố định), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tương ứng 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi mỗi tháng vào ngày cuối cùng của tháng, mỗi tháng trả nợ gốc 05%/tổng số tiền vay cuối kỳ. Để thực hiện Hợp đồng bà P có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 04 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 04/10/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 08/9/2020 bà P còn phải thanh toán cho Ngân hàng T 51.362.782đ. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà P trả 51.362.782đ (trong đó: tiền gốc 43.888.577đ, tiền lãi quá hạn 7.474.205đ); Ngân hàng T yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi bà P trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5857 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà P vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông N đại diện cho Ngân hàng T có đơn xin vắng mặt, trong đơn Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn kiện kèm theo bảng kê tính lãi đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 09/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2021) là 11.239.835đ. Tổng cộng là

62.602.617đ (trong đó: Nợ gốc 43.888.577đ; nợ lãi 18.714.040đ); bà P vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà P trả 62.602.617đ, bà P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn đề nghị xử vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bà P trú tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Về điều kiện thụ lý: Hợp đồng được các bên ký kết còn trong hạn thực hiện nhưng bà P vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trả nợ gốc và lãi tại Hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ bằng văn bản, khi thụ lý Tòa án đã thông báo cho bà P theo trình tự tố tụng nhưng Bà không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 428 của Bộ luật Dân sự, xét thấy Ngân hàng khởi kiện là đủ điều kiện thụ lý để giải quyết khi hợp đồng vẫn còn trong hạn thực hiện.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5857 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng T và bà P, gắn liền địa chỉ Phường H, thành phố V, hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 40.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà P biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Tín và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bà vẫn vắng mặt, theo đơn xin xác nhận nơi cư trú bà P còn đăng

ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ vào thời điểm ký Hợp đồng, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu bà P trả tiền gốc 43.888.577đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bà P trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2021) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 18.714.040đ.

[3] Về án phí: Ngân hàng T yêu cầu bà P trả 62.602.617đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 3.130.000đ; hoàn trả cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 428, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T;

Buộc bà Phan Thị Huệ P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T 62.602.617đ (trong đó: Nợ gốc 43.888.577đ; nợ lãi 18.714.040đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/3/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5857 ngày 11/10/2016.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc bà Phan Thị Huệ P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.130.000đ (ba triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng);

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.284.000đ (một triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0005808 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPV;
- VKSND TPV;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan